

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09/4/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982.

HKTT: Thôn B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản. (Vắng mặt).

3. Người làm chứng: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự do quen biết được khoảng 01 năm thì tự nguyện về sống chung với nhau, có sự chứng kiến của hai bên gia đình vào năm 2010 và sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/4/2014. Anh chị chung sống tại Khu 1 B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do đầu năm 2016 chị H đi lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc, chị H vẫn gửi tiền về để nuôi các con. Tuy nhiên đến năm 2018 thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn càng thẳng, chị H đã không còn liên lạc với anh và các con từ đầu năm đến nay và cũng không gửi tiền về cho các con nữa. Hiện anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay và không còn liên lạc với nhau. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 07/10/2010 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 08/6/2012. Hiện hai con đang ở cùng với anh H, do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai con khi vợ chồng ly hôn và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Cháu Khánh L và Nhật M cũng có nguyện vọng được ở với bố.

Về quan hệ tài sản chung: Anh và chị H có tài sản chung nhưng anh xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, bố mẹ đẻ của chị Phạm Thị H là ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị L trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Ngọc H là chồng chị H và là con rể của ông bà. Chị H và anh H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống riêng. Mâu thuẫn của chị H và anh H cụ thể thì ông bà cũng không nắm được. Năm 2016 chị H đi lao động tại Nhật Bản. Do chị H không nói địa chỉ cụ thể nên ông bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H tại Nhật Bản cho Tòa án được. Gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với chị H nên ông bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho chị H biết việc anh H đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đồng thời thông báo nội dung các văn bản tố tụng của tòa án cho chị Hoa biết. Qua trao đổi thì ông H bà L được chị H cho biết chị H có quan điểm rằng vợ

chồng ly thân đã lâu, đến nay không còn tình cảm nên chị đồng ý ly hôn với anh H. Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 07/10/2010 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 08/6/2012, hiện đang ở với anh H. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con thì chị H cũng đồng ý. Vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc thường xuyên thay đổi địa chỉ nên chị H không thể cung cấp địa chỉ cụ thể, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị H và tổng đạt các văn bản thông qua bố mẹ đẻ chị là ông H và bà L. Ông H và bà L đồng ý nhận thay để thông báo cho chị H. Ngoài ra chị H không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56,80,81,82 Luật HN&GD năm 2014 xử cho anh Nguyễn Ngọc H được ly hôn chị Phạm Thị H. Giao cho anh Nguyễn Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 07/10/2010 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 08/6/2012. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Anh Nguyễn Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Phạm Thị H là người Việt Nam hiện đang lao động tại Nhật Bản, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Theo Công văn của Cục quản lý xuất nhập cảnh, chị H xuất cảnh vào ngày 08/01/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Anh H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của chị H tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu bố mẹ đẻ của chị Hoa là ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị L cung cấp địa chỉ của chị H đến lần thứ hai nhưng ông H và bà L cũng không biết địa chỉ của chị H tại Nhật Bản. Tuy nhiên ông H và bà L vẫn liên lạc được với chị H nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị H. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh H vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; chị H vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo qua thân nhân và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị H và anh H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H tự do quen biết được khoảng 01 năm thì tự nguyện về sống chung với nhau, có sự chứng kiến của hai bên gia đình vào năm 2010 và sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/4/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh H và chị H chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do đầu năm 2016 chị H đi lao động tại Nhật Bản. Đến năm 2018 thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn càng tăng. Hiện vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay và vợ chồng không còn liên lạc với nhau.

Xét thấy hôn nhân của anh H và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Thông qua ông H và bà L thì chị H cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của anh H nên cần chấp nhận cho anh H ly hôn với chị H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh H và chị H cùng xác định có 02 con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 07/10/2010 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 08/6/2012, hiện đang ở cùng anh H. Khi ly hôn chị H và anh H đều thống nhất quan điểm anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Nguyễn Khánh L, Nguyễn Nhật M đến khi trưởng thành.

Xét thấy hiện chị H không có ở Việt Nam để chăm sóc con chung, các con chung đã sống ổn định với anh H và cũng có nguyện vọng tiếp tục ở với anh H.

Do đó cần chấp nhận cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Hoa cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận.

Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định tại Điều 58, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh H và chị H xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273, khoản 2 Điều 479 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 474, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Ngọc H được ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 07/10/2010 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 08/6/2012 đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Phạm Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0002829 ngày 15/10/2020. Anh H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Phạm Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Q, huyện T;
- UBND phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đăng Huy